

Bản án số: 45/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 22-12- 2021

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Lê Thị T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Khu dân cư H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh Nguyễn Đỗ H, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khu dân cư H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đỗ H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn vào ngày 12-10- 2007 tại Ủy ban nhân dân xã An Phụ (nay là phường An Phụ). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, thiếu quan tâm chăm sóc đến vợ con, quan điểm sống hai bên bất đồng không hòa hợp. Do vậy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau không còn hạnh phúc. Anh chị đã có lần làm đơn xin ly hôn tại Tòa án vào năm 2014 sau đó chị lại suy nghĩ rút đơn về đoàn tụ.

Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Đầu năm 2015 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh H chưa lần nào gặp chị để nói chuyện vợ chồng về đoàn tụ. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đỗ B, sinh ngày 28-7-2008. Kể từ khi vợ chồng anh chị ly thân cháu B sống cùng với chị. Thời gian gần đây thì cháu về ở cùng với bố và bà nội. Nay vợ chồng chị ly hôn, anh H có nói với chị nguyện vọng được nuôi cháu. Chị đồng ý giao cháu cho anh H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đỗ H trình bày: Anh và chị Lê Thị T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 12-10- 2007 tại Ủy ban nhân dân xã An Phụ (nay là phường An Phụ). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 6 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân khoảng 6 năm nay, mỗi người một nơi. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đỗ B, sinh ngày 28-7-2008, hiện nay cháu đang ở cùng với anh và mẹ đẻ anh. Nay vợ chồng anh chị ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm lao động tự do thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Anh được mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay công việc của anh phải xa nhà, thỉnh thoảng mới về nhà được nên anh không thể đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và xét xử. Tòa án không phải tiến hành hòa giải vì anh xác định không thể đoàn tụ được.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị T có mặt chị vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đỗ H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đỗ B, sinh ngày 28-7-2007 cho anh Nguyễn Đỗ H được tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đỗ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H .

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Đỗ H được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú (nay là phường An Phú) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân khoảng 6 năm nay, mỗi người một nơi, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Chị T và anh H cùng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đỗ B, sinh ngày 28-7-2007. Anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Cháu B có nguyện vọng được ở cùng với bố. Chị T đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Đỗ B cho anh Nguyễn Đỗ H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Anh H tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đỗ H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đỗ B, sinh ngày 28-7-2007 cho anh Nguyễn Đỗ H được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001028 ngày 13-10-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND phường An Phụ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt